

Số: 14/BC-SYT

Hà Nam, ngày 07 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm năm 2014

Kính gửi: Cục An toàn thực phẩm - Bộ Y tế

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Dân số	: 798.572 người	6. Số cơ sở SXCBTP:	694
2. Diện tích	: 849 Km ²	7. Số cơ sở KDTP:	1.611
3. Số quận/huyện	: 06	8. Số cơ sở dịch vụ ăn uống:	1.804
4. Số xã/phường/thị trấn	: 116	9. Cộng (6+7+8):	4.109
5. Số thôn/xóm:	1.342		

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO

TT	Nội dung hoạt động	Tuyến xã		Tuyến huyện		Tuyến tỉnh
		Số xã có	Tổng số xã	Số huyện có	Tổng số huyện	
1	Có BCĐLN VSATTP do lãnh đạo UBND làm trưởng ban	116	116	10	6	1
2	Có HN BCĐLN 6 tháng	116	116	18	6	1
3	Có QĐ, chỉ thị VSATTP	116	116	32	6	2
4	Có công văn VSATTP	79	116	23	6	22
5	Có kế hoạch VSATTP	116	116	19	6	16
6	Có HN TK và tổng kết	97	116	7	6	1

III. CÁC HOẠT ĐỘNG.

1. Công tác kiểm tra, thanh tra:

1.1. Tổng số đoàn kiểm tra, thanh tra:

TT	Tuyến	Tổng số đoàn	Trong đó đoàn liên ngành
1	Xã	116	114
2	Huyện	16	10
3	Tỉnh	18	9
	Cộng	150	133

1.2. Kết quả:

T T	Cơ sở thực phẩm	TS cơ sở	Tuyển xã			Tuyển huyện			Tuyển tỉnh			
			Số được TKT	Số đạt	Tỷ lệ (%)	Số được TKT	Số đạt	Tỷ lệ (%)	Số được TKT	Số đạt	Tỷ lệ (%)	
1	Sản xuất CBTP	694	384	172	44,8	78	49	62,8	66	42	63,6	
2	KD TP	1.611	834	358	42,9	389	237	60,9	101	61	60,4	
3	DVAU	1.804	1.099	598	54,4	571	357	62,5	156	87	55,8	
Cộng (1+2+3)		4.109	2.317	1.128	48.7	1.038	643	62.2	323	190	58.8	
4	Số cơ sở vi phạm		1.717									
	Số CS vi phạm bị xử lý		118									
5	Xử lý	Số CS bị cảnh cáo		10								
		Số CS bị phạt tiền		108								
		Số tiền		151.200.000đ								
		Số CS bị huỷ SP		45								
		Loại sản phẩm		39 loại: bánh, kẹo, NGK, ... hết hạn sử dụng; giò thịt lợn nạc, bánh phở có sử dụng hàn the, focmon...								
		Số CS đóng cửa		02								
		Khác (nhắc nhở)		1.552								

2. Tuyên truyền giáo dục

TT	Nội dung	Tuyển xã		Tuyển huyện		Tuyển tỉnh		
		Sl /buổi	TS người dự, P.vi bao phủ	Sl /buổi	TS người dự, P.vi bao phủ	SL /buổi	TS người dự, P.vi bao phủ	
1	Lễ phát động, HN triển khai THĐ..	43	5.150	04	1.070	01	60	
2	Nói chuyện	325	4.550	207	1.893	48	126	
3	Tập huấn	8	401	59	2.804	30	2.523	
4	Hội thảo, hội nghị	0	0	1	45	4	326	
5	Phát thanh	7.794	Toàn dân	2.356	Toàn dân	0		
6	TH, P.sự, P.vấn ...	0		0		45	Toàn tỉnh	
7	SP truyền thông	<i>B. rôn, k.hiệu</i>	346	Toàn dân	214	Toàn dân	225	TP
		<i>Áp phích, Poster</i>	1.200		800		2.000	
		<i>Tờ gấp</i>	0		400		400	
		<i>Tờ rơi</i>	900	Toàn dân	800	Toàn dân	1.700	Các đ.vị
		<i>Băng đĩa hình</i>	24		26		50	
		<i>Băng đĩa âm</i>	126		6		132	
		<i>BCK, sách ...</i>					1.500	
			TT cơ động:	0		0	0	36/3 đợt
8	Khác: đăng 08 bài, tin trên Website Chi cục, 06 tin bài đăng trên Website của Cục ATTP							

3. Công tác xét nghiệm:

TT	Loại xét nghiệm	Kết quả xét nghiệm		
		Tổng số chỉ tiêu nghiệm	Số chỉ tiêu không đạt	Tỷ lệ không đạt
I. Số mẫu xét nghiệm tại Labo		89	17	19,10
1.	Chỉ tiêu Hoá lý	47	7	14,9
2.	Chỉ tiêu Vi sinh	42	10	23,8
II. Xét nghiệm nhanh		2,506	1,103	44,01
III. Cộng (I+II)		2,595	1,120	43,2

4. Hoạt động cấp chứng nhận đủ điều kiện VSATTP (Ngành Y tế):

TT	Loại cơ sở thực phẩm	Tuyển xã		Tuyển huyện		Tuyển tỉnh		Tổng cộng
		Cấp mới	Tích lũy	Cấp mới	Tích lũy	Cấp mới	Tích lũy	
1	Sản xuất chế biến TP	0	0	0	30	22	39	69
2	Kinh doanh tiêu dùng	0	0		52	2	2	54
3	Dịch vụ ăn uống	0	0	108	315	26	80	395
Cộng		0	0	108	397	50	121	518

5. Hoạt động quản lý công bố tiêu chuẩn sản phẩm và quảng cáo sản phẩm:

Công bố tiêu chuẩn			Quảng cáo sản phẩm		
Cấp mới (số SP)	Gia hạn	Tích lũy (số SP)	Cấp mới (số CS/số SP)	Gia hạn	Tích lũy (số CS/số SP)
73	0	327	06/22	0	06/22

6. Xây mô hình điểm:

TT	Loại mô hình	Tuyển xã		Tuyển huyện		Tuyển tỉnh	
		SL	KQ	SL	KQ	SL	KQ
1	TẮĐP	0		Phối hợp		02	Đạt yêu cầu
2	TTCĐ thay đổi tập quán phòng NDTP	21	Đạt yêu cầu	0		0	
3	Làng VHSK phòng ngừa NDTP	29	Đạt yêu cầu	Phối hợp		0	
4	HACCP	0		0		4	Đạt yêu cầu
5	Chợ điểm	0		0		0	
6	Bếp ăn tập thể	0		0		11	Đạt yêu cầu
7	Trường học	0		0		0	
Cộng		50		0		17	

7. Ngộ độc thực phẩm:

TT	Loại NĐTP	Vụ NĐTP (2 người mắc trở lên)		Lẻ tẻ	Tổng mắc	Tử vong
		Số vụ	Số mắc			
1	NĐTP do vi sinh vật	2	25	0	25	0
2	NĐTP do hoá chất	0	0	0	0	0
3	NĐTP do TP biến chất	0	0	0	0	0
4	NĐTP do độc tố tự nhiên	0	0	0	0	0
5	Không rõ nguyên nhân	02	36	1.756	1792	0
Cộng		04	61	1.756	1.817	0

8. Kinh phí: (Đơn vị tính: 1.000 đ)

TT	Nội dung chi	Trung ương cấp	Hỗ trợ của UBND	Hỗ trợ của DN	Cộng
1	Tuyên truyền giáo dục, tập huấn, đào tạo	139.000	0	0	139.000
2	Kiểm tra, thanh tra	143.000	0	0	143.000
3	Mua thiết bị, DC, HC	0	0	0	0
4	Mô hình điểm	0	0	0	0
5	Điều tra NĐTP, giám sát	6.000	0	0	6.000
6	Xét nghiệm	71.240	0	0	71.240
7	Khác: Xăng xe, in ấn...	90.760	0	0	90.760
Cộng		450.000	0	0	450.000

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được:

- Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Chính quyền các cấp, sự phối hợp triển khai của các sở ngành, tổ chức, đoàn thể trong tỉnh.

- Hoạt động thông tin truyền thông được triển khai thường xuyên, có sự tham gia tích cực của cộng đồng qua đó nhận thức của chủ các cơ sở thực phẩm, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm và toàn xã hội về an toàn thực phẩm được nâng lên. Công tác tập huấn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ được quan tâm triển khai liên tục.

- Kiểm soát ngộ độc thực phẩm có nhiều tiến bộ: Không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm lớn (trên 30 người mắc), các vụ ngộ độc thực phẩm nhỏ được điều tra kịp thời, xử lý nhanh, không để xảy ra tử vong do ngộ độc thực phẩm; chủ động lấy mẫu thực phẩm kiểm nghiệm để giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm cảnh báo sớm cho cộng đồng; Thiết lập được hệ thống quản lý ngộ độc thực phẩm từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát có hiệu quả, tránh được sự trùng lặp, chồng chéo. Xử lý nghiêm, kịp thời các cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm. Số cơ sở vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm giảm (từ 48,4% năm 2013 xuống còn 46,7% năm 2014). Công khai các cơ sở vi phạm trên Đài PT-TH tỉnh và Đài Phát thanh các huyện, xã.

2. Những khó khăn, tồn tại:

- Một vài địa phương, ban, ngành, đoàn thể chưa thực sự quan tâm chỉ đạo và phối hợp triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm.

- Cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm các tuyến còn thiếu về số lượng, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế, thiếu trang thiết bị phục vụ chuyên môn...

- Nhận thức của cộng đồng về an toàn thực phẩm, việc đấu tranh với những hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm chưa cao; còn tồn tại những thói quen ăn uống không hợp vệ sinh...

- Kinh phí Chương trình mục tiêu hạn chế, phân bổ chậm, không có nguồn kinh phí hỗ trợ của địa phương cho hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm gây khó khăn cho triển khai các hoạt động trên địa bàn tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị đối với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương:

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, hoá chất, test nhanh phục vụ cho công tác quản lý an toàn thực phẩm các tuyến.

- Có chế độ, chính sách phù hợp đối với cán bộ làm công tác quản lý an toàn thực phẩm

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm tuyến tỉnh, huyện.

2. Đề nghị đối với UBND tỉnh, UBND các huyện/thành phố:

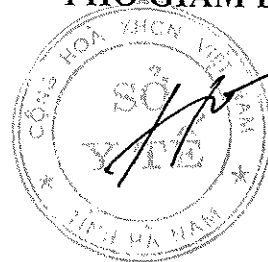
- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan quan tâm hỗ trợ kinh phí, phối hợp tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chỉ đạo cơ quan thông tin đại chúng phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường thông tin truyền thông về an toàn thực phẩm. /*av*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh; (Đề b/c)
- Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ;
- Đ/c Giám đốc Sở Y tế;
- UBND huyện/thành phố;
- Phòng Y tế, TT YT huyện/thành phố;
- Lưu: VT, CCATTP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Viết Huê

